

Số: **162** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **14** tháng 10 năm 2021

## **BÁO CÁO**

### **Công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý III năm 2021**

Thực hiện nội dung Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo công khai tình hình thực hiện ngân sách địa phương Quý III năm 2021, như sau:

#### **1. Về thu ngân sách nhà nước (chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN):**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn Quý III năm 2021 đạt 16.329 tỷ đồng, bằng 90,2% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 142,9% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

a) Thu nội địa đạt 9.205 tỷ đồng, bằng 70,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 122,2% so với cùng kỳ năm 2020.

*\* Đánh giá một số khoản thu:*

+ Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 4.840 tỷ đồng, bằng 89,4% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 137% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó thu chủ yếu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất là 4.549 tỷ đồng, bằng 91% DT giao, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 382 tỷ đồng, bằng 146,8% dự toán giao, bằng 135,4% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh đạt 1.815 tỷ đồng, bằng 64,6% dự toán giao, bằng 108,3% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thuế thu nhập cá nhân đạt 355 tỷ đồng bằng 107,8% dự toán giao, bằng 106,9% so với cùng kỳ năm 2020.

+ Thuế bảo vệ môi trường đạt 605 tỷ đồng bằng 68% dự toán giao, bằng 96,1% so với cùng kỳ năm 2020.

Nhìn chung, thu 9 tháng đầu năm 2021 tình hình kinh tế của tỉnh có phần khởi sắc hơn so với cùng kỳ năm 2020, vượt tiến độ dự toán HĐND tỉnh giao, chủ yếu là do giá dầu thô thế giới bình quân ở mức trên 60 USD/thùng, cao hơn dự toán giao (dự toán giao 45 USD/thùng), nên số nộp ngân sách của Nhà máy lọc dầu Dung Quất đạt mức khá (đạt 91% dự toán). Tuy nhiên, vẫn còn một số khoản chưa đảm bảo tiến độ dự toán tỉnh giao như: Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (64,6%), thuế bảo vệ môi trường (68%), thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (55,2%), thu khác ngân sách (68%), thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác (60,6%); đặc biệt là thu tiền sử dụng đất đạt rất thấp so với dự toán (chỉ đạt 25,4% dự toán HĐND tỉnh giao). Các khoản thu không đảm bảo

tiến độ dự toán giao, nguyên nhân là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động lớn đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

b) Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: Đạt 7.123 tỷ đồng, bằng 142,5% so với dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 183% so với cùng kỳ năm 2020.

## **2. Về chi ngân sách địa phương (chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN)**

Tổng chi ngân sách địa phương Quý III năm 2021 đạt 8.118 tỷ đồng, bằng 61,5% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 95,5% so với cùng kỳ năm 2020; cụ thể:

a) Chi cân đối ngân sách địa phương Quý III năm 2021 là 7.256 tỷ đồng, bằng 62,1% dự toán HĐND tỉnh giao, bằng 96% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó:

- Chi đầu tư phát triển đạt 1.453 tỷ đồng, bằng 42,6% so với dự toán giao và bằng 94% so với cùng kỳ năm 2020.

- Chi thường xuyên đạt 5.801 tỷ đồng, bằng 72,4% so với dự toán giao và bằng 96,5% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó:

- + Chi sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình đạt 557 tỷ đồng, bằng 71,9% dự toán giao và bằng 80,8% so với cùng kỳ năm 2020;

- + Chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể đạt 1.253 tỷ đồng, bằng 80,4% dự toán giao và bằng 85,7% so với cùng kỳ năm 2020;

- + Chi đảm bảo xã hội đạt 486 tỷ đồng, bằng 93,3% dự toán giao và bằng 102% so với cùng kỳ năm 2020;

- + Chi sự nghiệp kinh tế đạt 974 tỷ đồng, bằng 72,7% dự toán giao và bằng 121,3% so với cùng kỳ năm 2020;

- + Các khoản chi đạt thấp như: Chi sự nghiệp Khoa học và công nghệ (26,5%), chi sự nghiệp văn hóa thông tin (57,3%), chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo và dạy nghề (64,2%), chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (60,2%).

- Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 1,14 tỷ đồng, đạt 100% dự toán giao.

b) Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSĐP đạt 863 tỷ đồng, bằng 56,7% dự toán giao, bằng 91,2% so với cùng kỳ năm 2020.

Dự kiến năm 2021, thu ngân sách từ nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt dự toán HĐND tỉnh giao. Vì vậy, HĐND tỉnh đã điều chỉnh giảm chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất là 850 tỷ đồng.

Nhìn chung, chi ngân sách địa phương Quý III năm 2021 được tổ chức quản lý theo đúng quy định cơ chế phân cấp hiện hành. Các ngành, các cấp đã triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao; tập trung thực hiện các chính sách cho con người, chính sách an sinh xã hội; đảm bảo cân đối nguồn để thực hiện các nhiệm vụ chi theo dự toán. Các cơ quan, đơn vị nghiêm túc thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021 theo các Nghị quyết: Số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 và số 86/NQ-CP ngày 06/8/2021 của Chính phủ,

nhằm chủ động dành nguồn lực để thực hiện phòng chống dịch và các nhiệm vụ quan trọng, cấp bách khác của địa phương./.

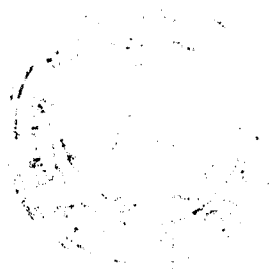
**Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- TT Tỉnh uỷ (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi;
- Các Sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, CBTH;
- Lưu: VT, KTTiền597.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Văn Minh**



177



## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>18.097.000</b>	<b>16.329.204</b>	<b>90,2</b>	<b>136,6</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>18.055.700</b>	<b>16.327.662</b>	<b>90,4</b>	<b>105,9</b>
1	Thu nội địa	13.055.700	9.204.614	70,5	114,2
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	5.000.000	7.123.049	142,5	183,0
4	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.197.514</b>	<b>8.118.586</b>	<b>61,5</b>	<b>95,5</b>
<b>I</b>	<b>Chi cân đối NSDP</b>	<b>11.675.923</b>	<b>7.255.765</b>	<b>62,1</b>	<b>96,0</b>
1	Chi đầu tư phát triển	3.408.630	1.452.972	42,6	94,0
2	Chi thường xuyên	8.018.321	5.801.257	72,4	96,5
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	2.200	396	18,0	125,7
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.140	1.140	100,0	100,0
5	Dự phòng ngân sách	245.632			
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP</b>	<b>1.521.591</b>	<b>862.821</b>	<b>56,7</b>	<b>91,2</b>
<b>C</b>	<b>BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP</b>	<b>41.300</b>	<b>15.261</b>	<b>37,0</b>	
<b>D</b>	<b>CHI TRẢ NỢ GỐC</b>				





## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>20.697.000</b>	<b>16.329.204</b>	<b>78,9</b>	<b>136,6</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>15.655.700</b>	<b>9.204.614</b>	<b>58,8</b>	<b>114,2</b>
1	Thu từ khu vực DNNN	5.411.000	4.840.121	89,4	137,0
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	260.000	381.773	146,8	135,4
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.810.000	1.815.067	64,6	108,3
4	Thuế thu nhập cá nhân	330.000	355.577	107,8	106,9
5	Thuế bảo vệ môi trường	890.000	604.881	68,0	96,1
6	Lệ phí trước bạ	195.000	136.226	69,9	106,9
7	Thu phí, lệ phí	151.700	137.108	90,4	119,3
8	Các khoản thu về nhà, đất	5.247.000	694.679	13,2	64,1
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		5		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.000	4.541	90,8	122,2
-	Thu tiền sử dụng đất	2.600.000	660.161	25,4	124,1
	trong đó: - Cấp tỉnh	1.726.000	227.796	13,2	155,9
	- Cấp huyện	874.000	432.365	49,5	112,0
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	42.000	29.794	70,9	193,5
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		178		96,2
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	30.000	29.693	99,0	89,8
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	2.000	1.003	50,2	56,8
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	112.000	61.797	55,2	71,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	12.000	7.266	60,6	120,3
13	Thu khác ngân sách	205.000	139.423	68,0	89,4
<b>II</b>	<b>Thu từ dầu thô</b>				
<b>III</b>	<b>Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu</b>	<b>5.000.000</b>	<b>7.123.049</b>	<b>142,5</b>	<b>183,0</b>
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	4.635.000	6.683.059	144,2	189,5
2	Thuế xuất khẩu	100.000	146.826	146,8	95,9
3	Thuế nhập khẩu	210.000	239.714	114,1	144,9
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		5		102,2
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	55.000	50.459	91,7	107,9
6	Thu khác		2.986		394,6

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	11.246.015	7.763.122	69,0	123,4
1	Từ các khoản thu phân chia	7.930.155	6.619.103	83,5	125,8
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.315.860	1.144.019	34,5	111,5

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	<b>TỔNG CHI NSDP</b>	<b>13.197.514</b>	<b>8.118.586</b>	<b>61,5</b>	<b>95,5</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NSDP</b>	<b>11.675.923</b>	<b>7.255.765</b>	<b>62,1</b>	<b>96,0</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>3.408.630</b>	<b>1.452.972</b>	<b>42,6</b>	<b>94,0</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.388.630	1.432.472	42,3	94,1
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	20.000	20.500	102,5	91,1
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>8.018.321</b>	<b>5.801.257</b>	<b>72,4</b>	<b>96,5</b>
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.182.892	2.042.887	64,2	100,0
2	Chi khoa học và công nghệ	33.110	8.770	26,5	57,5
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	774.990	557.583	71,9	80,8
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	122.297	70.054	57,3	102,1
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	36.406	26.283	72,2	110,2
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	22.429	16.911	75,4	94,3
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	127.270	76.573	60,2	118,6
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.339.472	974.302	72,7	121,3
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.558.976	1.253.155	80,4	85,7
10	Chi bảo đảm xã hội	521.354	486.416	93,3	102,0
<b>III</b>	<b>Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay</b>	<b>2.200</b>	<b>396</b>	<b>18,0</b>	<b>125,7</b>
<b>IV</b>	<b>Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính</b>	<b>1.140</b>	<b>1.140</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>245.632</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP</b>	<b>1.521.591</b>	<b>862.821</b>	<b>56,7</b>	<b>91,2</b>
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	997.146	562.154	56,4	66,0



STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	524.445	300.667	57,3	317,1